TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 10 năm 2017
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Vượng

2, Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Đại diện VKSND TP. Bắc Giang: Ông Nguyễn Ngọc Ước- Kiểm sát viên

Trong ngày 12/10/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **290/2017**/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú quán: Số nhà A, đường T, phường P, thành phố B, Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Nhà B2, khu 2 tầng, khu tập thể Đ, phường L, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Số nhà Z, đường T, P. P, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2017, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Phan Văn H ngày 27/10/2000. Khi cưới có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói

chung trong cuộc sống cũng như về kinh tế của gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ đó (năm 2014) đến nay. Chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu được ly hôn anh Phan Văn H.

Vợ chồng có 02 con chung là Phan Duy H, sinh ngày 24/12/2001 và Phan Thu N sinh ngày 08/11/2007. Các con ở với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng ly hôn thì con chung mỗi người nuôi dưỡng một con, chị nuôi dưỡng con nào thì tùy nguyện vọng của các con. Trường hợp anh H không nuôi dưỡng con chung thì chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 một con/ một tháng. Hiện nay chị làm nhân viên tiếp thị cho Công ty bánh kẹo Kinh Đô. Có thu nhập và chỗ ở ổn định.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 17/8/2017 thì bị đơn là anh Phan Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị Đỗ Thị T ngày 27/10/2000. Khi cưới có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay. Chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị T yêu cầu được ly hôn thì anh đồng ý.

Vợ chồng có 02 con chung là Phan Duy H, sinh ngày 24/12/2001 và Phan Thu N sinh ngày 08/11/2007. Các con ở với Chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng ly hôn vợ thì con chung mỗi người nuôi dưỡng một con, anh nuôi dưỡng con nào thì tùy nguyện vọng của các con. Trường hợp anh nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/một con/ một tháng. Hiện nay anh đang làm bảo vệ cho Công ty bảo vệ Sao vàng, thu nhập 4.500.000 đồng/tháng, thu nhập ổn định. Trường hợp Chị T nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của Chị T.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện thời gian và đặc thù công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Tại biên bản lấy lời khai cháu Phan Duy H ngày 01/9/2017, cháu Hưng trình bày: Hiện cháu đang ở cùng bố cháu, cháu đang học trường Cao đẳng kỹ thuật nghề. Trong cuộc sống, thỉnh thoảng bố mẹ cháu cãi nhau, nguyên nhân là gì cháu không nắm được. Sau khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở cùng bố.

* Tại biên bản lấy lời khai cháu Phan Thu N ngày 01/9/2017, cháu Ngân trình bày: Hiện cháu đang ở cùng mẹ và ông bà ngoại, cháu ở cùng ông bà ngoại từ lúc cháu học lớp 1. Sau khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị T được ly hôn anh H.

- Giao cháu Phan Thu N, sinh ngày 08/11/2007 cho Chị T nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Duy H, sinh ngày 24/12/2001 cho anh H nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Phan Văn H đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh. Theo qui định tại Điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh H.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Phan Văn H kết hôn ngày 27/10/2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là cuộc hôn nhân hợp pháp (theo Điều 8, Điều 9- Luật hôn nhân và gia đình). Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phan Văn H (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Duy H, sinh ngày 24/12/2001 và Phan Thu N sinh ngày 08/11/2007. Cả Chị T và anh H yêu cầu được

nuôi dưỡng một con chung khi ly hôn, nuôi dưỡng cháu nào thì tùy thuộc vào nguyện vọng của các cháu. Cháu Hưng có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Ngân có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo nguyện vọng của các cháu và để các cháu có cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Ngân cho Chị T nuôi dưỡng, giao cháu Hưng cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp mỗi người nuôi dưỡng một con, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4]- Về tài sản chung: Các bên xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Duy H, sinh ngày 24/12/2001 cho anh Phan Văn H nuôi dưỡng, giao cháu Phan Thu N sinh ngày 08/11/2007 cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/06301 ngày 15/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận Chị T đã thi hành xong phần án phí DSST.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và

Điều 9- Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP. B;
- CCTHA dân sự TP;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP.B, tỉnh BG;
- Lưu: HS, VP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Chuyền